

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**



DƯƠNG THỊ THANH NGÀ

**QUẢN LÝ LỄ HỘI ĐUA VOI TẠI HUYỆN BUÔN ĐÔN,
TỈNH ĐẮK LẮK**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA

Mã số: 60 31 06 42

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. Đào Đăng Phượng

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “**Quản lý lễ hội Đua Voi tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk**” là công trình nghiên cứu của riêng tôi và chưa công bố. Các số liệu và kết quả nghiên cứu là trung thực, khách quan, những đoạn trích dẫn tôi đều có dẫn nguồn. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 2017

Tác giả

Dương Thị Thanh Nga

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lễ hội Đua voi trong những năm trở lại đây đã và đang bắt đầu nảy sinh nhiều vấn đề hết sức cấp bách. Đàn voi đã bắt đầu sụt giảm nghiêm trọng, công tác tổ chức, quản lý chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn, Lễ hội đua voi chưa thể tự tái đầu tư, còn phụ thuộc vào chính quyền là chủ yếu. Hệ quả này làm cho giá trị văn hóa và tinh thần của lễ hội đua voi đang ngày càng bị mai một dần. Chính vì vậy, việc tìm ra nguyên nhân, tìm ra phương hướng quản lý hiệu quả cho lễ hội đua voi là một điều hết sức cần thiết.

2. Lịch sử nghiên cứu:

Hoàng Nam; Tác giả Phạm Lan Oanh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Lương; Nhóm tác giả: Nguyễn Chí Bền- Võ Hoàng Lan- Phạm Lan Oanh- Vũ Tú Quyên- Bùi Quang Thanh- Vũ Diệu; Tác giả Trương Bi; Linh Nga Niê Kdăm; Tác giả Trần Tấn Vịnh; Tuyết Hoa Niê Kdam.

Trên cơ sở kế thừa những thành quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, bản thân tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu cụ thể và sâu hơn về Lễ hội đua voi, để đưa ra được những giải pháp thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Lễ hội đua voi và kiến nghị một số giải pháp để bảo tồn loài voi.

3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Quản lý lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu những vấn đề trong công tác quản lý Lễ hội đua voi. Đề tài được tiến hành nghiên cứu tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian nghiên cứu từ năm 2012 đến nay.

4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu về thực trạng công tác tổ chức, quản lý Lễ hội đua voi và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý Lễ hội đua voi trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát những vấn đề mang tính lý luận về quản lý lễ hội truyền thống.
- Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng công tác quản lý Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn.

- Đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn.

5. Phương pháp nghiên cứu của luận văn

Phương pháp điền dã; Phương pháp tổng hợp và phân tích; Phương pháp tiếp cận liên ngành các vấn đề về văn hóa.

6. Những đóng góp của Luận văn

Là công trình nghiên cứu tổng thể về công tác quản lý Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn; Phân tích, đánh giá và chỉ ra được thực trạng trong công tác tổ chức và quản lý Lễ hội Đua Voi, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn được chia thành 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý lễ hội, tổng quan Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn.

Chương 2: Thực trạng quản lý Lễ hội đua voi tại huyện Buôn Đôn

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ LỄ HỘI VÀ TỔNG QUAN VỀ LỄ HỘI ĐUA VOI Ở HUYỆN BUÔN ĐÔN

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Quản lý

Quản lý đều có quy tắc chung là có hai thành tố: chủ thể quản lý và khách thể quản lý. Quản lý, chúng ta có thể hiểu là sự tác động, sắp đặt, đưa ra các quyết định của chủ thể quản lý lên khách thể quản lý nhằm đạt được mục đích theo định hướng ban đầu. Chính mục tiêu ban đầu là đầu mối tạo nên cho chủ thể quản lý và khách thể quản lý một sự thống nhất cao nhằm tiến tới đạt thành tích tốt nhất cho mục tiêu chung và khai thác triệt để những tiềm năng của khách thể quản lý để đạt được thành quả chung.

1.1.2. Lễ hội

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá của một nhóm người hay nhiều nhóm người, diễn ra trong một không gian nhất định, trong thời điểm nhất định. Nơi hội tụ và trình diễn, tổng hợp các loại hình văn hóa, nơi hòa nhập văn hóa quá khứ và văn hóa hiện tại nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng người, đánh thức niềm tin, sự tự nguyện và cảm hứng thăng hoa, sáng tạo của mỗi người khi tham gia vào lễ hội. Lễ hội bao gồm đầy đủ các yếu tố cả về địa lý, lịch sử của một vùng đất và đời sống xã hội cũng như tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân nơi diễn ra lễ hội.

1.1.3. Lễ hội truyền thống

Lễ hội truyền thống là một sinh hoạt cộng đồng mang đậm nét văn hóa vùng miền, được tổ chức có tính định kỳ và được gìn giữ trong nhân dân. Lễ hội truyền thống hay còn gọi lễ hội cổ truyền có quá trình tự bổ sung và hoàn thiện theo theo chiều dài lịch sử. Nó là sản phẩm văn hóa riêng biệt và độc đáo của mỗi vùng miền, làng xã, làng nghề hay của cả dân tộc. Lễ hội dân gian liên quan tới tập quán sinh hoạt, lao động sản xuất, tập tục thờ cúng... diễn ra quanh năm, rải đều ở mỗi vùng miền khác nhau trên khắp đất nước từ bắc chí nam

1.1.4. Quản lý Lễ hội truyền thống

Quản lý nhà nước về lễ hội truyền thống là sử dụng hệ thống các văn bản, nghị định, thông tư, chỉ thị... có tính pháp lý cao để định hướng, kiểm soát và quản lý lễ hội theo đúng định hướng của đảng và nhà nước. Sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau để quản lý lễ hội, từ nhân lực, vật lực. Chủ thể quản lý nhà nước về lễ hội truyền thống là

một hệ thống từ Đảng, Chính phủ đến các cơ quan ngành dọc từ Bộ văn hóa xuống sở VH TT&DL tới UBND huyện, Phòng văn hóa huyện cho đến cấp xã. Cộng đồng tự quản lễ hội truyền thống là sự vào cuộc của tập thể cộng đồng cư dân, nơi địa bàn diễn ra lễ hội.

1.2. Cơ sở pháp lý

1.2.1. Văn bản của Trung Ương về quản lý lễ hội

1.2.1.1. Các văn bản của Đảng và chính phủ

Chỉ thị số 27-CTTW, ngày 12/1/1998 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của thủ tướng chính phủ thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Ban Bí thư về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức Lễ hội.

1.2.1.2. Các văn bản của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

Thông tư số 15/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội quy định về tổ chức lễ hội; Công văn Số:4237/BVHTTDL-VHCS ngày 20/20/2016, V/v tăng cường công tác quản lý và tổ chức lễ hội năm 2017.

1.2.2. Văn bản của địa phương về quản lý lễ hội

Chỉ thị số 25/2006/CT-UBND ngày 18/12/2006 về việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc ở Đắk Lắk; Quyết định Số: 29/2016/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Đắk Lắk ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2016; Kế hoạch số 48/ KH - SVHTT&DL ngày 22/8/2017: Về tuyên truyền cải cách hành chính 2018 và thực hiện xã hội hóa các hoạt động Văn hóa Thể thao và Du lịch.

1.3. Tổng quan về huyện Buôn Đôn và Lễ hội đua voi

1.3.1. Huyện Buôn Đôn

1.3.1.1. Vị trí - địa lý

Cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 45km. Phía bắc giáp huyện Ea Súp, một dải phía tây của huyện Buôn Đôn giáp với Campuchia, phía đông nam giáp thành phố Buôn Ma Thuột, phía đông giáp huyện Cư M'gar, phía nam giáp với huyện Cư Jút của tỉnh Đắk Nông. Buôn Đôn có 47,6 km đường biên giới giáp với vương quốc Campuchia và có tổng diện tích tự nhiên hơn 141.000 ha. Toàn huyện có

07 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 99 thôn, buôn, trong đó có 26 buôn đồng bào dân tộc thiểu số, dân số trên 63.800 người, bình quân khoảng 44 người/ 1km². [33]

1.3.1.2. Kinh tế - Xã hội

Buôn Đôn còn lưu giữ được nhiều lễ hội truyền thống như: lễ bỏ mả, lễ cúng bến nước, lễ hội lửa, lễ hội công chiêng... duy trì được nhiều nét văn hóa độc đáo của đồng bào các dân tộc Tây nguyên như: nghề tạc tượng nhà mồ, nghề dệt thổ cẩm mà đặc biệt là nghề truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng rất độc đáo. Buôn Đôn là một trong những địa phương có số lượng đàn voi nhà đông nhất tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay. Buôn Đôn thật sự là một vùng đất của thiên nhiên hoang sơ, rất phù hợp cho phát triển du lịch và chăn nuôi gia súc. Là một miền đất hứa hẹn nhiều về một tương lai phát triển tốt đẹp.

1.3.1.3. Một số nghi lễ truyền thống đặc sắc ở huyện Buôn Đôn

- Lễ cúng bến nước

Đối với đồng bào dân tộc nơi đây, họ luôn sống bám theo nguồn nước, coi trọng và gìn giữ nguồn nước bởi đó là tài sản quý giá, là nguồn sống của cả buôn làng. Trên bến nước phải có đủ không gian cho cả buôn làng dựng nhà sinh sống, có nghĩa địa, có đất làm nương rẫy, có rừng.... vì vậy lễ cúng bến nước là một lễ cúng rất quan trọng và cần thiết. Nghi lễ được tổ chức dưới sự chủ trì của người chủ bến nước, và thường được tổ chức trong 3 ngày, trong 3 ngày này tất cả buôn làng đều tham gia

- Lễ bỏ mả

Lễ bỏ mả là một lễ hội lớn nhất, dài ngày nhất, ăn uống, vui chơi, hát hò, tấu chiêng rộn ràng nhất, tập trung đông đúc nhất. Theo phong tục, người chết khi được bỏ mả thì gia đình sẽ không còn thờ cúng hay thăm nom gì đến mộ phần của người chết nữa, làm lễ bỏ mả là để vĩnh biệt người chết, tiễn đưa người chết về với tổ tiên. Lễ bỏ mả có thể diễn ra ba ngày hay bảy ngày tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của gia đình người chết.

1.3.2. Lễ hội đua voi

1.3.2.1. Người M'ông ở huyện Buôn Đôn

Người M'ông còn lưu giữ nhiều phong tục tập quán văn hóa truyền thống giàu bản sắc. Người M'ông ở Buôn Đôn đặc biệt hơn người M'ông ở các địa phương khác là bởi họ chính là những người nắm trong tay nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng, là những người đầu tiên làm chủ đàn Voi.

1.3.2.2. Truyền thống săn bắt và thuần dưỡng Voi rừng ở huyện Buôn Đôn

- Những vị vua săn voi nổi tiếng

Vị vua săn voi nổi tiếng đầu tiên, linh hồn của nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng chính là Khun Ju Nốp tên thật là Y Thu Knul (1828-1938. Sau khi vua săn voi Khun Ju Nốp qua đời, cháu họ gọi ông bằng cậu là R'leo Knul (1877 – 1947) kế tục sự nghiệp lãnh đạo buôn làng và duy trì gìn giữ nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng. Kế tiếp sau R'leo Knul là cháu của “Vua Săn Voi” Khun Ju Nốp tên là Y Prông Êban (1910 -2012), chúng ta vẫn thường gọi là Ama Kông. Ngoài ba vị vua săn voi nổi tiếng trên thì mảnh đất Buôn Đôn vẫn còn rất nhiều các thợ săn voi giỏi khác nữa.

-Đi săn voi và thuần dưỡng voi

Đi săn Voi: là công việc khó khăn vất vả và nguy hiểm nhất, mỗi đội săn khoảng 10 thớt voi chiến khỏe mạnh, mỗi voi có một nài voi và một thợ phụ. Khi vào rừng, tất cả mọi hoạt động của đoàn đi săn luôn tuân thủ mọi mệnh lệnh của người chỉ huy, một quyết định đưa ra của người chỉ huy sẽ là một quyết định thành công hay thất bại của cuộc đi săn, vì vậy người chỉ huy thường là người tài giỏi, dũng mãnh, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, đó chính là những ông “Vua Săn Voi” mà chúng ta vẫn ngưỡng mộ như Y Thu Knul, R'leo Knul, Ama Kông...

Thuần dưỡng voi: Việc thuần dưỡng voi thường kéo dài trong khoảng 3 tháng đến 6 tháng, tùy theo tính tình của từng chú voi mà thời gian thuần dưỡng có thể lâu hơn, nhưng thông thường là không dưới ba tháng.

1.3.2.3. Lịch sử hình thành và phát triển của lễ hội đua voi

Lễ hội đua voi có từ cuối thế kỷ 19, ngoài tổ chức ở buôn làng vào mỗi mùa ăn năm uống tháng thì Lễ hội đua voi còn được tổ chức vào các dịp có sự kiện trọng đại để cho các quan Pháp thưởng thức. Bắt đầu từ năm 2005 khi tỉnh Đắk Lắk tổ chức Lễ hội cà phê lần thứ nhất, cũng là lúc Lễ hội đua voi được tổ chức với quy mô lễ hội cấp tỉnh. Việc tổ chức Lễ hội đua voi trong khuôn khổ Festival Cà Phê được chỉ đạo từ UBND tỉnh. Đây là dịp mở ra cơ hội để Lễ hội đua voi được nâng tầm và mở ra nhiều cơ hội mới về phát triển du lịch cho Huyện Buôn Đôn.

1.4. Đặc trưng và các giá trị tiêu biểu của lễ hội đua voi

1.4.1. Nét văn hóa đặc trưng của lễ hội

1.4.1.1. Lễ hội dành cho loài vật to lớn và trung thành

Trên đất nước ta duy nhất chỉ có Tỉnh Đắk Lắk là có Lễ hội đua voi. Bản thân chính những con voi đã là một sự đặc biệt hết sức lôi cuốn. Con voi vừa có những đặc điểm gần gũi, thân quen như những con vật nuôi khác, chúng lại vừa mang trong mình những đặc tính hoang dã, vừa khiến con người yêu quý, trân trọng, lại vừa có cảm giác sợ hãi, vừa thân quen nhưng cũng rất bí ẩn, khiến nó trở nên đặc biệt đối với loài người là bởi voi là một loài vật tiến hóa bậc cao rất thông minh, rất tinh cảm và rất trung thành.

4.1.1.2. Tính truyền thống, tín ngưỡng cao của cộng đồng bản địa

Lễ hội đua Voi là những nét văn hóa độc đáo của đồng bào các dân tộc bản địa nơi đây đã tồn tại từ bao đời nay. Các nghi lễ cúng cho voi để thể hiện sự tôn kính với vị thần Ngoäch Ngual, một vị thần cai quản loài voi được kính trọng không kém các vị thần trời, thần đất. Lễ hội đua voi luôn là một niềm háo hức, nó đã trở thành một biểu tượng văn hóa rất riêng, rất đặc sắc mà chỉ có vùng Buôn Đôn mới có.

1.4.2. Các giá trị tiêu biểu của lễ hội

1.4.2.1. Tính cố kết cộng đồng

Lễ hội đua voi ngày nay thật sự đã là một hiện tượng kết nối, vừa thắt chặt thêm tình đoàn kết vốn có trong cộng đồng người bản địa, vừa là một dịp sinh hoạt văn hóa rộng khắp trên địa bàn toàn huyện, thể hiện tình đoàn kết một lòng vì mục tiêu phát triển chung của huyện nhà. Từ người già đến người trẻ, từ cấp xã đến cấp huyện, từ các cơ quan ban ngành đến các đơn vị lực lượng vũ trang đều cùng tham gia vào cuộc để tổ chức lễ hội được thành công tốt đẹp.

1.4.2.2. Giá trị lịch sử truyền thống của lễ hội

Lịch sử của nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng đã gắn bó với lịch sử hình thành của vùng đất Buôn Đôn. Lịch sử ấy được gìn giữ qua nhiều thế hệ đời ông cha cho đến tận bây giờ. Lễ hội đua voi đã khẳng định được giá trị và bản sắc truyền thống riêng của người dân tộc bản địa nơi đây, để từ đó chính những giá trị lịch sử truyền thống lại trở thành bàn đạp để hội nhập và phát triển bền vững của địa phương.

1.4.2.3. Vai trò của lễ hội đua voi với đời sống kinh tế của người dân Buôn Đôn

Có được sự đổi mới mới đi lên như ngày hôm nay, đó là nhờ những chính sách của đảng và nhà nước, trong đó vai trò đóng góp của những chính sách phát triển về văn hóa, du lịch là rất lớn. Lễ hội đua voi đã trở thành một hiện tượng thu hút một số lượng lớn du khách từ khắp nơi. Lễ hội đua voi là một sản phẩm độc đáo của du

lich địa phương, là một điểm sáng có sức hút mạnh mẽ, cú hích mạnh cho phát triển ngành du lịch, từ đó tạo ra các cơ hội mở về kinh tế cho người dân địa phương.

1.4.2.4. Giá trị bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Bản thân Lễ hội đua voi là một bản sắc riêng của vùng đất Buôn Đôn, Lễ hội đua voi là dịp tôn vinh nghề truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng, là dịp tôn vinh tinh thần quả cảm, thượng võ của những người thợ săn voi rừng lấy một thời. Lễ hội đua voi là dịp để người dân nơi đây được thể hiện, phô diễn những bản sắc văn hóa của mình như ẩm thực, công cụ lao động và săn bắt, đã được gìn giữ từ lâu đời.

Tiểu kết.

Những cơ sở lý luận đã được nghiên cứu ở chương 1 về lễ hội truyền thống, về các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến Địa phương cũng như điều kiện kinh tế, xã hội của huyện Buôn Đôn đã được tác giả nghiên cứu một cách cụ thể, trên cơ sở đó tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu tiếp về thực trạng cũng như giải pháp cho Lễ hội đua voi ở những chương sau của luận văn.

Chương 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ LỄ HỘI ĐUA VOI TẠI HUYỆN BUÔN ĐÔN

2.1. Chủ thể quản lý lễ hội

2.1.1. Chủ thể quản lý nhà nước

Sở VH TT & DL chịu trách nhiệm hoàn chỉnh và tham mưu cho UBND tỉnh về kế hoạch và đề án tổ chức Lễ hội đua voi. Lấy ý kiến của các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch truyền thông để tuyên truyền cho lễ hội. Liên hệ với các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn cũng như các doanh nghiệp có liên quan để xin tài trợ kinh phí cho lễ hội. Hỗ trợ về trang thiết bị, xe sân khấu, âm thanh, ánh sáng, nhân lực lên maket, in pano khẩu hiệu, người dẫn chương trình khai mạc... cho Lễ hội đua voi.

2.1.1.1. Cấp huyện

Đây là một hoạt động được sự vào cuộc của đầy đủ các ngành, các cấp trên địa bàn huyện. Văn phòng HĐND & UBND huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin huyện (Cơ quan Thường trực Ban tổ chức); Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Công an, Bộ Chỉ Huy Quân sự huyện, phòng Cảnh sát PCCC số 6, Tiểu đoàn huấn luyện Cơ động D19 và các Đoàn biên phòng; Huyện đoàn;

các Trường phổ thông; Điện lực Buôn Đôn; UBND xã Krông Na, xã Ea Huar; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị Các Doanh nghiệp hoạt động Du lịch đứng chân trên địa bàn huyện.

2.1.1.2. Cấp xã

UBND xã Chủ trì, huy động lực lượng đoàn viên thanh niên, học sinh tham gia tổng dọn vệ sinh khu vực tổ chức lễ hội (trước, trong và sau khi kết thúc lễ hội). Đồng chí giám đốc Trung Tâm Bảo tồn voi, thành viên BTC, Phối hợp với đồng chí bí thư Đảng uỷ xã Krông Na chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về Tiểu ban điều hành đưa voi; Huy động các hộ nuôi voi đưa voi về để phục vụ cho lễ hội

2.1.2. Chủ thể cộng đồng cư dân trong quản lý lễ hội

Bắt nguồn từ những phong tục, tập quán, bắt nguồn từ truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng nên mới có gốc tích cũng như nguồn gốc của Lễ hội đưa voi... Việc hiểu rõ những chú voi thì chỉ có những chủ nhân và nài voi mới hiểu rõ nhất, nhà nước hay chính quyền không thể làm thay được việc này. Nhà nước tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân chính là đang tạo ra cho Lễ hội đưa voi cơ hội duy trì một cách tự nhiên, và gắn bó với đời sống của cộng đồng bản địa.

2.2. Công tác tổ chức và quản lý lễ hội

2.2.1. Công tác chuẩn bị

2.2.1.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội

Ngay từ khi nhận được chủ trương của UBND tỉnh về kế hoạch tổ chức Lễ hội đưa voi, UBND huyện ngay lập tức chỉ đạo phòng VH TT huyện làm tờ trình xin tổ chức lễ hội, lên kế hoạch, lập Đề án tổ chức Lễ hội đưa voi để trình lên UBND tỉnh phê duyệt. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện ra thông báo, gửi kế hoạch về cho các đơn vị, phòng ban có liên quan trên địa bàn huyện để tiến hành tổ chức thực hiện.

2.2.1.2. Công tác tuyên truyền, quảng bá cho lễ hội

Công tác tuyên truyền cho lễ hội đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của UBND tỉnh, Sở VH TT & DL cũng như các đơn vị báo, đài trên địa bàn tỉnh và huyện. BTC cũng đã chủ động phối kết hợp chặt chẽ với các đơn vị để tuyên truyền quảng bá thu hút du khách cho Lễ hội đưa voi. Tuyên truyền giới thiệu về các giá trị của Lễ hội đưa voi, đồng thời tuyên truyền để kêu gọi người tham gia lễ hội nâng cao ý thức bảo vệ

môi trường, bảo vệ các giá trị của lễ hội, cũng như nâng cao ý thức trong ứng xử với cộng đồng khi tham gia Lễ hội đua voi.

2.2.1.3. Công tác triển khai thực hiện kế hoạch

Sau khi ra thông báo, BTC sẽ họp Ban Tổ chức lần I, Ban Tổ Chức quyết định thành lập các tiểu ban. Sau khi được phân công, các tiểu ban bắt đầu triển khai công việc chuẩn bị cho lễ hội. Tại địa phương sẽ diễn ra Lễ hội đua voi là xã Krông Na, mọi công tác chuẩn bị tại địa phương được tiến hành khẩn trương. Lãnh Đạo HDND, UBND, UBMTTQVN xã và các cán bộ các ban ngành đoàn thể là đầu mối triển khai công việc và tập hợp xử lý các vấn đề phát sinh. Công tác chuẩn bị sẽ được diễn ra khoảng 10 - 15 ngày, sau khi tất cả các tiểu ban và các địa phương đã làm công tác tổ chức xong, sau ba ngày hoàn thiện công tác là chính thức tổ chức Lễ hội đua Voi. Lễ hội đua voi luôn diễn ra tại xã Krông Na (hay còn gọi là: Bản Đôn), là quê hương của những ông Vua săn voi, và là cái nôi của nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng.

2.2.2. Các hoạt động tổ chức quản lý lễ hội đua voi

2.2.2.1. Diễn trình tổ chức quản lý lễ hội

Ngày đầu tiên: Theo đúng như phong tục của đồng bào M'Nông, Lễ cúng sức khỏe cho voi sẽ được thực hiện. *Ngày thứ hai:* Là ngày hội chính diễn ra các phần đua của các chú voi, nội dung thi bao gồm: phần thi voi chạy; thi voi kéo gỗ; phần thi voi đá bóng; voi kéo co với người; phần thi voi bơi vượt sông và cuối cùng là tái hiện cảnh săn bắt voi rừng, sau đó các chú voi được tập hợp về bên Tha luống để tắm. *Ngày thứ ba:* Các hoạt động của ngày thứ ba không diễn ra ở các bãi đua mà hầu hết voi được tập trung về các khu du lịch để phục vụ nhu cầu giải trí của du khách như: chụp hình lưu niệm, cưỡi voi vượt sông, cưỡi voi ra các bãi bồi nổi giữa sông, các tour cưỡi voi thám hiểm vườn quốc gia Yok Đôn. Ở khu du lịch hồ Cư Min còn có khu nhà sàn chuyên tái hiện lại nghi lễ cúng sức khỏe cho voi theo yêu cầu của du khách hoặc các nhà báo chí, nhiếp ảnh.

2.2.2.2.. Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của Lễ hội đua voi

Trong mỗi lần tổ chức Lễ hội đua voi, các cấp các ngành luôn chú trọng đến yếu tố gìn giữ những nét văn hóa truyền thống đặc trưng của người dân tộc bản địa gắn với đàn voi nhà. Lễ hội là một dịp đoàn kết, sinh hoạt cộng đồng, là một dịp tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho đồng bào các dân tộc bản địa. Lễ hội còn là dịp gắn kết và giao

lưu giữ các dân tộc khác nhau, các xã khác nhau trên toàn huyện, thắt chặt tình đoàn kết quân và dân để cùng chung tay bảo vệ vùng biên giới thiêng liêng của tổ quốc.

2.2.2.3. Quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ và môi trường

Lễ hội đua voi còn mang đến cho địa phương rất nhiều lợi ích về kinh tế. Các ngành dịch vụ phục vụ du lịch được phát triển, đường xá giao thông được chú trọng mở mang thuận lợi, các hộ kinh doanh cá thể mọc lên san sát trong các khu du lịch, đời sống một bộ phận nhân dân khá khả. Tại các khu bán đồ lưu niệm tất cả đều là những gia đình dân tộc bản địa sống và gắn bó lâu đời tại địa phương. BTC đã có những quy định về việc vứt rác đúng quy định trong khu vực lễ hội, các công ty du lịch đã bố trí lực lượng và nhân công để thu gom rác thải trong và sau thời gian tổ chức lễ hội.

2.2.2.4. Công tác thanh kiểm tra và bảo vệ lễ hội

Tất cả các lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng trong các tình huống tác chiến. Công tác đảm bảo an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ và đảm bảo an toàn cho du khách đặc biệt được lưu ý và triển khai rất tích cực. Bên cạnh đó việc tuyên truyền và bảo vệ cho người dân được an toàn trong quá trình tham dự Lễ hội đua voi cũng được quan tâm chú trọng. Tất cả các công tác đảm bảo an toàn trong lễ hội và các phương án dự phòng trong các tình huống phát sinh cũng được BTC chỉ đạo tiểu ban an ninh triển khai tức trực và theo dõi để đảm bảo cho lễ hội đua voi được diễn ra một cách an toàn.

2.3. Đánh giá thực trạng công tác quản lý lễ hội

2.3.1. Ưu điểm

- *Công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội:* Đây là một dịp hoạt động đòi hỏi sự phối kết hợp nhuần nhuyễn của rất nhiều các cấp, các ngành, đoàn thể. Cộng đồng cư dân xác định đây là một dịp để giáo dục thế hệ trẻ của địa phương nhận ra được giá trị của một di sản sống quý giá mà tự nhiên đã ban tặng cho Buôn Đôn. Cộng đồng cư dân bản địa đã hết sức ủng hộ và kết hợp với chính quyền các cấp tuân thủ và chấp hành mọi sự sắp xếp của BTC.

- *Công tác tuyên truyền quảng bá cho lễ hội đua voi:* công tác tuyên truyền quảng bá cho lễ hội nhận được sự hỗ trợ tích cực của sở VH TT & DL, các cơ quan báo chí. Sử dụng mọi hình thức tuyên truyền, tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng, sử dụng các kênh tuyên truyền trực tiếp tại chỗ cũng thực hiện khá tốt. Việc

tuyên truyền, phổ biến cho người dân và du khách tham gia lễ hội nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cũng được triển khai mạnh mẽ .

- *Công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ và môi trường*: Các dịch vụ du lịch cũng được chú trọng, chỉ đạo quyết liệt. Lồng ghép trong các chương trình đi tour, phục vụ du khách là các lĩnh vực phục vụ ăn, uống cũng hết sức quan trọng. Các hàng quán tư nhân buôn bán hàng lưu niệm cũng được quy hoạch gọn gàng, buôn bán các sản phẩm độc đáo của người dân tộc bản địa.

- *Công tác kiểm tra và bảo vệ lễ hội*: Thông qua lễ hội đã thể hiện được sức mạnh tập thể khối đại đoàn kết của quân và dân trên địa bàn huyện nhà. Sự phối hợp nhịp nhàng của các đơn vị lực lượng vũ trang, bộ đội biên phòng và dân quân tự vệ trên cả tuyến biên giới và địa bàn tổ chức lễ hội đã đảm bảo các hoạt động vừa lễ hội được diễn ra an toàn.

2.3.2. Hạn chế

- *Công tác bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội*

Lễ hội đua voi vẫn chưa nêu bật được giá trị cốt lõi của lễ hội, vẫn còn nặng phần hội, nhẹ phần lễ. Chưa lồng ghép được nội dung tôn vinh nghề truyền thống và săn bắt voi rừng, chưa tạo ra được sự tương tác giữa cộng đồng tại chỗ với du khách, chưa tận dụng hết cơ hội để nâng cao tính linh thiêng của lễ hội đua voi. Cộng đồng cư dân nơi đây chưa được tiếp cận với các mô hình tổ chức lễ hội ở các nơi khác nên chưa có sự sắp xếp cộng đồng tự quản một cách khoa học.

- *Công tác quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ và môi trường*

Vào những ngày tổ chức lễ hội đua voi, lượng du khách đổ về với hàng ngàn phương tiện giao thông chen chúc nhau, Lượng rác thải ra sau mỗi kỳ lễ hội rải rác khắp các bìa rừng. Ngoài ra việc kiểm soát về buôn bán các loại hàng lưu niệm, các đồ trang sức bằng các bộ phận của voi như lông đuôi, ngà, da, cao voi, phổi voi... chưa được kiểm soát.

- *Công tác kiểm tra và bảo vệ lễ hội*

Lực lượng bảo vệ an ninh còn rất mỏng, công tác phát triển hạ tầng giao thông chưa đáp ứng kịp thời, việc đi lại tham dự lễ hội còn khá lộn xộn, tuyến đường tỉnh lộ 1 từ Buôn Ma Thuột đi Buôn Đôn luôn là điểm nóng về các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng. Ngoài những nội dung tổ chức khá đặc sắc, được khán giả cổ vũ nhiệt

tình, tuân thủ các quy định của BTC thì cũng có những phần mà lực lượng an ninh không kiểm soát được.

Tiểu kết.

Qua chương 2, tác giả đã nghiên cứu về diễn trình của Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn đồng thời nêu lên được thực trạng của công tác tổ chức Lễ hội đua voi. Tổng kết lại các công tác hoạt động đã thực hiện trong lễ hội như công tác phân công nhiệm vụ, an ninh trật tự, dịch vụ môi trường.... từ đó tìm ra được những ưu điểm, khuyết điểm để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý lễ hội cũng như công tác bảo tồn loài voi.

Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ LỄ HỘI

ĐUA VOI Ở HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn và những vấn đề đặt ra

3.1.1. Những yếu tố thuận lợi

Là một vùng đất giàu truyền thống, Buôn Đôn được thiên nhiên ban tặng cho một điều kiện khí hậu đặc biệt phù hợp với loài voi. Trong những năm qua, lễ hội đua voi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Đắk Lắk. Buôn Đôn có một điều kiện khí hậu đặc biệt hai mùa mưa nắng rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Lễ hội đua voi được tổ chức vào tháng 3, mùa khô nên hầu như chưa bao giờ Lễ hội đua voi bị gián đoạn hay phải trì hoãn vì thời tiết.

3.1.2. Những yếu tố Khó khăn

3.1.2.1. Khó khăn về các nguồn lực của địa phương

- Nguồn nhân lực

Đội ngũ ngũ cán bộ quản lý về lễ hội từ cấp huyện đến cấp xã chưa có chuyên môn sâu. Hầu hết cán bộ chưa được qua đào tạo về tổ chức sự kiện, vì vậy sự am hiểu sâu sắc về quản lý lễ hội là không có, chủ yếu các cán bộ quản lý ở đây tự rút ra những bài học kinh nghiệm qua các lần tổ chức lễ hội trước đó. Những nhân tố trụ cột trong tổ chức Lễ hội đua voi đang ngày một ít dần. Hiện nay, người già bản địa đang nắm giữ những giá trị cốt lõi của lễ hội đua voi ngày một già đi, lực lượng trẻ ngày càng đi sinh cơ lập nghiệp, đi học, đi lao động xa quê nên nguồn nhân lực kế thừa đang bị hụt hẫng và không có nhân tố kế thừa.

- Kinh phí

Từ những hạng mục cơ sở vật chất còn nghèo nàn không đáp ứng được với tiềm năng to lớn của một lễ hội có sức hút mạnh mẽ như Lễ hội đua voi. Với lượng du khách rất lớn đổ về, nhưng thu nhập của địa phương từ lượng du khách này vẫn không đủ để tái đầu tư trở lại cho Lễ hội đua voi. Tất cả mọi chi phí cho tổ chức Lễ hội đua voi hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn kinh phí của nhà nước. Chưa có những khoản thu nhập mang tính bền vững cho cuộc sống cũng như để đầu tư lại cho việc chăm sóc voi. Từ những thực tế trên ta có thể thấy vấn đề kinh phí cho Lễ hội đua voi là một vấn đề hết sức khó khăn

3.1.2.2. Những vấn đề đặt ra về nguồn voi cho tổ chức lễ hội.

- Voi hoang dã

Với tình hình voi tự nhiên đang trước nguy cơ sụt giảm trầm trọng như vậy thì nguồn săn bắt voi sẽ không còn. Cộng thêm vào đó là những quy định của chính phủ về nghiêm cấm săn bắt động vật hoang dã trong đó có loài voi cũng khiến cho nghề săn bắt và thuần dưỡng voi bị mai một và nguồn voi để bổ sung cho Lễ hội đua voi cũng không còn.

-Voi nhà

Hiện nay trong tổng số 43 con voi nhà còn sống của tỉnh Đắk Lắk thì chỉ còn 07 con voi cái là có thể sinh sản, còn lại tất cả đã quá già, các chú voi Cái ở Buôn Đôn đã quá tuổi sinh đẻ. Nếu những con voi hoàn toàn biến mất khỏi đời sống của đồng bào các dân tộc nơi đây, thì đồng nghĩa với việc đời sống của các dân tộc bản địa nơi đây sẽ bị khuyết đi một mảng lớn cả trong đời sống văn hóa tinh thần và kinh tế.

3.2. Định hướng, nhiệm vụ công tác quản lý hoạt động lễ hội.

3.2.1. Định hướng

-Sở VH TT&DL bám sát sự chỉ đạo của UBND tỉnh để cùng với UBND huyện Buôn Đôn để tìm ra giải pháp nhằm duy trì lễ hội đua voi một cách hiệu quả, đáp ứng được với sự thay đổi của xã hội. Định hướng phát triển lâu dài cho Lễ hội đua voi gắn với bảo tồn các giá trị về văn hóa, phát triển các mô hình du lịch sinh thái rừng, du lịch cộng đồng để phát triển kinh tế.

-Đối với UBND huyện đang có chủ trương tích cực triển khai đó là tiến hành hoàn tất thủ tục để pháp lý hóa Lễ hội đua voi. Hiện nay, Lễ hội đua voi chưa được pháp lý hóa nên dẫn tới khó khăn cho các công ty du lịch lữ hành, bởi thời gian và

không gian có thể sẽ bị thay đổi. Nếu Lễ hội đua voi được pháp lý hóa sẽ tạo một thuận lợi cho lễ hội đón những lượt du khách về với Buôn Đôn.

3.2.2. Nhiệm vụ

3.2.2.1. Nhiệm vụ của các cấp quản lý nhà nước

- *Cấp tỉnh*: phải nhanh nhạy nhận biết những biến đổi đang diễn ra đối với Lễ hội đua voi. Từ đó đưa ra những quan điểm chỉ đạo đúng đắn. Mục tiêu phải gìn giữ được nguyên vẹn, đầy đủ các đặc thù của Lễ hội đua voi. Thường xuyên quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý lễ hội để nâng cao trình độ, năng lực quản lý cũng như kỹ năng nghiệp vụ. Xây dựng cơ chế đặc thù ưu đãi cho các đối tượng hỗ trợ kinh phí cho lễ hội như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp để thu hút được nguồn đầu tư vào địa bàn huyện.

- *Cấp huyện*: Thực hiện tốt hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra về mọi mặt an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm... Gìn giữ và phát huy được ưu điểm của cộng đồng dân tộc nơi đây là hiếu khách, thật thà, không xem du khách là đối tượng để làm ăn. Gìn giữ được yếu tố linh thiêng trong các nghi lễ cúng voi, đặc biệt là lễ cúng sức khỏe cho voi, tránh tình trạng chạy theo hình thức hay biểu diễn theo kịch bản.

3.2.2.2. Cộng đồng cư dân

Cộng đồng cư dân với vai trò là chủ thể của lễ hội vì vậy cần phải nâng cao vai trò của cộng đồng trong quản lý và tổ chức lễ hội đua voi. Cộng đồng cần phải tích cực, chủ động hơn nữa trong vai trò làm chủ, tránh bị động, phụ thuộc vào chính quyền. Khẳng định vai trò chủ chốt trong việc trao truyền, dạy dỗ lớp trẻ về những giá trị của lễ hội. Mỗi gia đình trở thành một lớp học thực thụ cho thế hệ trẻ,. Chung tay cùng với các cấp quản lý nhà nước giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ trong quá trình tổ chức lễ hội. Tìm hiểu, học tập cách tổ chức các mô hình du lịch cộng đồng để tiến tới cùng với nhà nước tìm ra những giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương tổ chức các mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tìm hiểu văn hóa voi.... ngay tại địa phương. Cùng với các ngành chức năng, cộng đồng cũng có những nhiệm vụ hết sức quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý Lễ hội đua voi.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động lễ hội đua voi

3.3.1. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức và tuyên truyền Giáo dục đối với chủ thể quản lý

3.3.1.1. Chủ thể quản lý nhà nước

- *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc bảo tồn và phát giá trị của lễ hội đua voi:*

Tuyên truyền để cho du khách cũng như mọi tầng lớp trong xã hội biết đến và hiểu hết những giá trị to lớn của lễ hội đua voi thì cần thiết phải thực hiện các công tác tuyên truyền, thông tin, quảng bá. Tuyên truyền bằng nhiều hình thức, tuyên truyền ở các cấp, tuyên truyền đến các tầng lớp ở mọi lứa tuổi. có thể phát các tờ thông tin nhanh, các bảng giới thiệu nhanh, chỉ dẫn nhanh.... tới tận tay du khách.

- *Tuyên truyền giáo dục về văn hóa và du lịch Voi:*

Song song với việc chăm sóc và theo dõi thường xuyên thì công tác tuyên truyền tới Nhân Dân, khách du lịch về sự cần thiết phải bảo tồn đàn voi nhà là vô cùng cần thiết. Cần phải định hướng tâm lý cộng đồng về lễ hội đua voi là nhằm mục đích tôn vinh nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng truyền thống của địa phương. Bên cạnh đó cần phải truyền tải thông điệp hãy bảo vệ loài voi đang trên bờ vực tuyệt chủng.

3.3.1.2. Tuyên truyền nâng cao ý thức và ứng xử trong cộng đồng

- *Tuyên truyền giáo dục về ứng xử văn minh trong lễ hội:*

Việc tuyên truyền cho người dân tham gia lễ hội có ý thức tôn trọng cộng đồng trong thời gian diễn ra lễ hội. Tham gia giao thông có ý thức để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người khác. Vận động tuyên truyền người dân nên tinh táo trước những thủ đoạn chia rẽ, lôi kéo của một số phần tử phản động lợi dụng lễ hội đông đúc để hoạt động. Cần tuyên truyền cho người dân tham gia lễ hội biết chấp hành các quy định của BTC.

- Ứng xử với môi trường:

Thông qua công tác tuyên truyền chúng ta cũng tác động đến ý thức của người dân về trách nhiệm bảo vệ môi trường, gìn giữ trật tự cho quá trình tổ chức lễ hội, không có những hành động tiêu cực làm ảnh hưởng xấu đến quá trình diễn ra lễ hội.

- Ứng xử với các giá trị văn hóa

Tuyên truyền tới du khách để nâng cao ý thức trân trọng giá trị tâm linh của cộng đồng cư dân bản địa. Nhắc nhở du khách tự giác ý thức ăn mặc lịch sự khi tham gia thưởng thức các nghi lễ cúng voi cho phù hợp với văn hóa của lễ hội. Không mê tín dị đoan, không nghe theo những kinh nghiệm dân gian truyền miệng thiếu khoa học, không săn lùng các bộ phận của voi để làm trang sức hay làm thuốc.

3.3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

3.3.2.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý lễ hội

Cần phải tiến hành cho các cán bộ đang công tác tại địa phương tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó mỗi cán bộ, công chức, viên chức không ngừng tự tìm hiểu, nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm qua thực tế công tác để mỗi ngày một dày dặn hơn trong công tác tổ chức và quản lý Lễ hội đua voi.

- Giải pháp phát huy hiệu quả nguồn nhân lực trong cộng đồng địa phương

Vai trò của cộng đồng trong việc phát huy cũng như gìn giữ những giá trị văn hóa tốt đẹp của lễ hội. Mọi hoạt động của lễ hội phải để cho người dân bản địa được là chủ nhân và tham gia lễ hội như là một nhu cầu về văn hóa và tinh thần của chính họ, chính bản thân họ cũng tự hào về di sản văn hóa độc đáo mà mình đang nắm giữ, và cùng với chính quyền các cấp gìn giữ và phát huy Lễ hội đua voi.

3.3.2.2. Những chính sách ưu đãi dành riêng cho lễ hội đua voi

Tổ chức Lễ hội đua voi riêng lẻ không gộp chung với các ngày lễ khác, không gộp chung với ngày hội văn hóa thể thao. Phối hợp tổ chức các tuần lễ du lịch tại địa phương, phát triển phần hội thành các nội dung: du lịch sinh thái, cắm trại tại khu bảo tồn, tổ chức tham quan thực địa với nhiều chương trình dành cho du khách như: tắm cho voi, tương tác với voi, tham quan khu chăm sóc, tạo một khu vực tự do đi lại cho du khách, lồng ghép các chương trình sinh hoạt kể chuyện về voi, các câu chuyện để giáo dục và thay đổi ý thức của con người với loài voi. Phục dựng các nghi lễ cúng cho voi để phần lễ trở thành phần chủ đạo của Lễ hội voi

3.3.2.3. Những chính sách bảo tồn đàn voi ở huyện Buôn Đôn

Bảo tồn voi hoang dã: Đưa ra nhiều hướng chuyển đổi về thói quen sinh sống lệ thuộc vào rừng của người dân vùng đệm quanh khu vực vườn quốc gia. Tuyên truyền để người dân hiểu biết và có những kỹ năng xử lý tốt trong mọi tình huống xảy ra xung đột giữa người và voi. Phối hợp với các đoàn chuyên gia tiến hành nghiên cứu, phân tích đàn, số lượng đực - cái để từ đó có biện pháp điều chỉnh số lượng cá thể cho phù hợp với nhu cầu sinh sản của đàn. Phân công đội ngũ cán bộ thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình về đàn voi, để có hướng xử lý kịp thời cứu hộ voi rừng. *Bảo tồn voi nhà:* Xây dựng một khu bảo tồn phù hợp với những đặc tính sinh học và tập tính của voi, để tránh đến mức xấu nhất những tác hại xấu cho đàn voi. Việc phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, năng động, có kiến thức, hiểu biết về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho voi. Xây dựng cơ sở vật chất, các khu nuôi nhốt và thả voi.

3.3.3. Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý

3.3.3.1. Quản lý lễ hội đua voi gắn với phát triển kinh tế, du lịch

Cần thiết phải xây dựng một Lễ hội đua voi hết sức độc đáo, mang tầm vóc của một sản phẩm văn hóa độc đáo vùng miền. Tổ chức Lễ hội đua voi kết hợp đầy đủ mọi yếu tố cần thiết, vừa gìn giữ được những đặc điểm văn hóa riêng biệt, những nét đẹp trong tâm linh, tín ngưỡng vừa đảm bảo phù hợp với sự phát triển của thời đại, mang đến cho vùng đất Buôn Đôn sự phát triển sâu sắc, phục vụ đắc lực cho những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3.3.3.2. Quản lý lễ hội đua voi gắn với giữ gìn và bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và giữ vững an ninh trật tự

- Đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường

Phải xây dựng thêm các nhà vệ sinh công cộng để phục vụ cho lễ hội. Bên cạnh đó phải cất cử một đội ngũ chuyên làm công tác nhắc nhở, tuyên truyền để cho người dân có ý thức, không xả rác bừa bãi. Xử lý nghiêm các hộ dân chặt phá cây và đốt bãi ở hai bên bờ rừng nhằm mục đích nhận đất để cắm các lán trại tạm bợ, bán hàng nước trong mấy ngày lễ hội.

- Tăng cường giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm

Cần thiết phải có sự vào cuộc của các ngành chức năng. Phải tăng cường kiểm tra, xử lý các quán xá mọc lên tự phát không đủ các điều kiện vệ sinh, cũng như không đủ điều kiện kinh doanh về lĩnh vực hàng ăn uống. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người dân có ý thức trong việc tự bảo vệ mình trước những nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuyệt đối không cho du khách tự ý mang Thức ăn cho voi, thức ăn của voi phải được các nhân viên thú y của trung tâm bảo tồn voi kiểm tra trước khi cho voi ăn.

- Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự

Lực lượng bộ đội biên phòng luôn nêu cao tinh thần cảnh giác với các thế lực thù địch, các thế lực phản động lợi dụng ngày lễ hội đông đúc kích động bà con bạo loạn biểu tình gây ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh cho cả hệ thống chính trị của ta. Quy định một bãi đỗ xe cụ thể thuận lợi để mọi người về tha dự lễ hội có chỗ cất xe. Bên cạnh đó cần một lực lượng tuyên truyền về ý thức nghiêm túc chấp hành các quy định của BTC, tránh chen lấn xô đẩy nhau, đùa giỡn chạy vào đường đua của voi, dùng cây gậy trêu chọc hoặc khêu voi, không cho người dân tự động lại quá gần voi để chụp hình, và sờ vào các chú voi.

Tiểu kết

Những giải pháp nêu trên nhằm góp một phần nhỏ vào việc giữ gìn và phát huy tốt những giá trị quý báu của lễ hội đua voi, đồng thời góp phần giải quyết những vấn đề đang nhức nhối, trăn trở của các cấp chính quyền và nhân dân địa phương về đàn voi nhà và Lễ hội đua voi.

KẾT LUẬN

Lễ hội đua voi ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk có thể nói là một lễ hội đặc trưng và riêng biệt. Con voi đã trở thành biểu tượng Văn hóa và Du lịch của huyện Buôn Đôn nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung. Để đảm bảo được những yếu tố khách quan, chủ quan, đáp ứng được với những yêu cầu về hưởng thụ vật chất, tinh thần. Bên

cạnh đó giữ gìn được những bản sắc vốn có của lễ hội đua voi, đòi hỏi phải có sự tham gia vào cuộc của các cấp các ngành và toàn thể cộng đồng. Lễ hội đua voi thật sự đã góp phần rất lớn để phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch của vùng đất Buôn Đôn. Thể hiện tình đoàn kết gắn bó keo sơn của anh em các dân tộc trong toàn huyện. Lễ hội đua voi đã và đang mở ra một cánh cửa lớn cho vùng đất Buôn Đôn tiếp nhận những luồng gió mới, những cơ hội mới, đồng thời quảng bá hình ảnh lễ hội đua voi đến với bạn bè trong và ngoài nước, dần từng bước hội nhập và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Huy Bá (2007), *Đề án bảo tồn và phát triển đàn voi nhà tỉnh Đắk Lắk*. Trung tâm sinh thái, môi trường và tài nguyên - CEER.
2. Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Lắk (2007), *festival văn hóa công chiêng tây nguyên 2007*.
3. Nguyễn Chí Bền- Võ Hoàng Lan- Phạm Lan Oanh- Vũ Tú Quyên- Bùi Quang Thanh- Vũ Diệu Trung (2013), *Lễ hội Truyền thống các Dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc Hà Nội.
4. Trương Bi (2010), *Nghi lễ - Lễ hội Êđê*, Nxb Văn hóa Dân tộc Hà nội
5. Trương Bi (2011), *lễ hội truyền thống dân tộc Êđê*, Nxb Thanh Niên.
6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2013), *đề án tổng thể bảo tồn voi việt nam giai đoạn 2013 – 2020*.
7. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2014), *các văn bản của Đảng và nhà nước về nếp sống văn hóa*, Nxb Hồng Đức.
8. Lê Đình Chi (2006), *Người Thượng Miền Nam Việt Nam*. Gardena, CA: Văn Mới, tr 401-449.
9. Lê Đình Chi (2006), *Người Thượng Miền Nam Việt Nam*. Gardena, CA: Văn Mới, tr 549-612.
10. Lê Cao Đài (2004), *Tây Nguyên ngày ấy*, Nxb Lao động.

11. Bế Viết Đăng (1982), *Đại cương về các dân tộc Ê đê, M' nong tại Đắk Lắk*, Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội.
12. Phạm Hồng Giang và Bùi Hoài Sơn (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính Trị Quốc Gia.
13. Henri Maitre (2008), *rừng người thượng*, viện viễn đông bác cổ pháp – Bảo tàng dân tộc học, Nxb tri thức - Hà nội.
14. Hồ Hoàng Hoa (2005), *Lễ hội một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, Nxb khoa học xã hội Hà Nội.
15. Tuyết Hoa niê kdam (2008), *thực trạng và giải pháp kinh tế xã hội chủ yếu phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc ít người tại chỗ vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk*, Luận án tiến sỹ kinh tế, trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội.
16. Điều Kâu - Ngô Đức Thịnh - Trần Tấn Vịnh (1998), *luật tục M'nong*, Nxb Chính trị Quốc gia.
17. Đỗ Hồng Kỳ (2008), *Văn hoá dân gian Ê đê, Mơ Nông*, Nxb Lao động.
18. Nguyễn Thu Linh và Đặng Văn Lung(1984), *lễ hội truyền thống và hiện đại* ,Nxb Văn hóa, Hà Nội.
19. Nguyễn Hoàng Lương (2011), *lễ hội truyền thống các dân tộc việt nam các tỉnh phía bắc*, Nxb Thông tin và Truyền thông.
20. Cao Thị Lý (1987), *Góp phần nghiên cứu tính đa dạng khu hệ thú và đặc điểm hình thái, sinh học, sinh thái Voi (Elephas maximus) tại Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn Thạc sỹ lâm nghiệp, Trường Đại học Lâm nghiệp.
21. Hoàng Nam (2005), *Một số giải pháp quản lý lễ hội dân gian*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc.
22. Linh Nga Niê Kdăm (1996), *một số nét đặc trưng của phong tục các dân tộc tây nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc Hà Nội.
23. Linh Nga Niê Kdăm(2002), *văn hóa dân gian tây nguyên một cách nhìn*, Hội Văn Học Nghệ Thuật Đắk Lắk.
24. Linh Nga Niê Kdăm (2003), *luật tục các dân tộc bản địa Buôn Đôn với vấn đề môi trường*, tạp chí hoạt động khoa học, 534 (số 11 tr. 77-79).
25. Phạm Thị Thanh Quy (2009), *Quản lý lễ hội cổ truyền hiện nay*, Nxb Lao

Động, Hà Nội.

26. Sở Văn hóa Thông tin Đắk Lắk (1999), *Đắk Lắk trước ngưỡng cửa năm 2000*, Nxb Văn nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh.
27. Sở Văn Hóa Thông Tin Đắk Lắk (1999) *Văn hóa dân gian Ê Đê*.
28. Bùi Hoài Sơn (2009), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
29. Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn (1996), *luật tục é đê* , Nxb chính trị quốc gia Hà Nội.
30. Ngô Đức Thịnh (1998), *luật tục M'ông*, Nxb chính trị quốc gia Hà nội.
31. Ngô Đức Thịnh (2007), *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*, Nxb Trẻ.
32. Nguyễn Hữu Thức, *Tài liệu giảng dạy kiến thức chuyên ngành quản lý văn hóa*
33. Tỉnh Ủy - HĐND- UBND tỉnh Đắk Lắk (2015), *Địa Chí Đắk Lắk* , Nxb Khoa Học Xã Hội.
34. Trần Tấn Vịnh (1998), *Voi trong đời sống văn hóa dân tộc M'Nông*, Sở Văn hóa thông tin Đắk Lắk.